ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2527 /QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 24 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính không liên thông cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 126/TTr-SLĐTBXH ngày 08 tháng 7 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết 46 thủ tục hành chính không liên thông cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử giải quyết từng thủ tục hành chính trên phần mềm Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- CT, PCT Phan Cao Thắng;
- CVP, PVP KT;
- VNPT Bình Định;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KSTT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Cao Thắng

Phụ lục

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 46 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành theo Quyết định số: 2527 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (28 TTHC)

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công)	
I	**Lĩnh vực An toàn lao động: 12 TTHC**						
1	Thông báo việc tổ chức làm thêm từ 200 giờ đến 300 giờ trong một năm	03 ngày	1/2 ngày	Phòng Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp: 1,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 1/2 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày.	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 1497/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh.
2	Đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng		1/2 ngày	Phòng Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp: 3,5 ngày,	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 1497/QĐ-

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công)	
	hóa	05 ngày		cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.			UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh.
3	Thẩm định chương trình huấn luyện chi tiết về an toàn lao động, vệ sinh lao động của cơ sở	10 ngày	1/2 ngày	Phòng Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp: 07 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 1497/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh.
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A	30 ngày	1/2 ngày	Phòng Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp: 27 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 1497/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công)	
	(đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý).			công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 25 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.			UBND tỉnh.
5	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương	30 ngày	1/2 ngày	Phòng Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp: 27 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 25 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 1497/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh.

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công)	
	quản lý).						
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý).	30 ngày	1/2 ngày	Phòng Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp: 27 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 25 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 1497/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh.
7	Thông báo doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền	30 ngày	1/2 ngày	Phòng Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp: 27 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 25 ngày;	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 1497/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh.

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công)	
	cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý).			3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.			
8	Khai báo đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	05 ngày	1/2 ngày	Phòng Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp: 3,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh.
II	**Lĩnh vực Người có công: 05 TTHC**						
9	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	15 ngày	1/2 ngày	Phòng Người có công: 12 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày;	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh.

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công)	
				2. Chuyên viên giải quyết: 09 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 02 ngày.			
10	Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong trường hợp: + Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; + Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; + Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề	10 ngày	1/2 ngày	Phòng Người có công: 07 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh.

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công)	
	nghị tiếp tục hưởng chế độ; + Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra;						
11	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác	10 ngày	1/2 ngày	Phòng Người có công: 07 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh.
12	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	15 ngày	1/2 ngày	Phòng Người có công: 12 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 09 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh.

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công)	
				kết quả: 02 ngày.			
13	Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công (đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền của Sở LĐ-TB&XH điều chỉnh)	20 ngày	1/2 ngày	Phòng Người có công: 17 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 14 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 02 ngày.	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh.
III	**Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: 06 TTHC**						
14	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	10 ngày	1/2 ngày	Phòng Bảo trợ xã hội: 07 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 04 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 02 ngày.	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh
15	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội		1/2 ngày	Phòng Bảo trợ xã hội: 3,5 ngày, cụ thể:	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 355/QĐ-UBND

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công)	
	ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.	05 ngày		1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.			ngày 02/2/2018 của UBND tỉnh
16	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.	05 ngày	1/2 ngày	Phòng Bảo trợ xã hội: 3,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 02/2/2018 của UBND tỉnh
17	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.	15 ngày	1/2 ngày	Phòng Bảo trợ xã hội: 12 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 09 ngày;	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 02/2/2018 của UBND tỉnh

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công)	
				3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 02 ngày.			
18	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.	15 ngày	1/2 ngày	Phòng Bảo trợ xã hội: 12 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 09 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 02 ngày.	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 02/2/2018 của UBND tỉnh
19	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp.	15 ngày	1/2 ngày	Phòng Bảo trợ xã hội: 12 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 09 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 02 ngày.	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 02/2/2018 của UBND tỉnh
IV	**Lĩnh vực Việc làm: 03 TTHC**						
20	Xác nhận người lao	03 ngày	1/2 ngày	Phòng Việc làm và Giáo	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công)	
	động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động			dục nghề nghiệp: 1,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 1/2 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày.			2710/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh
21	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	07 ngày	1/2 ngày	Phòng Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp: 05 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 03 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.	01 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2710/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh
22	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm	03 ngày	1/2 ngày	Phòng Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp: 1,5 ngày, cụ thể:	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2710/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công)	
	việc tại Việt Nam			1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 1/2 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày.			UBND tỉnh
V	**Lĩnh vực Trẻ em: 02 TTHC**						
23	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	12 giờ	04 giờ	Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới: 3 giờ, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1 giờ; 2. Chuyên viên giải quyết: 1 giờ; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 1 giờ.	01 giờ	04 giờ	Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh
24	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	05 ngày	1/2 ngày	Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới: 3,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Cơ quan chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công)	
				công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.			UBND tỉnh
	Tổng cộng: 24 TTHC						

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (10 TTHC)

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Bộ phận Một cửa huyện, thị xã, thành phố (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND huyện, thị xã, thành phố (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa huyện, thị xã, thành phố)	
I	**Lĩnh vực Trẻ em: 02 TTHC**						
1	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	12 giờ	04 giờ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 3 giờ, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1 giờ; 2. Chuyên viên giải quyết: 1 giờ; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 1 giờ.	01 giờ	04 giờ	Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh
2	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	05 ngày	1/2 ngày	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 3,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Bộ phận Một cửa huyện, thị xã, thành phố (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND huyện, thị xã, thành phố (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa huyện, thị xã, thành phố)	
				kết quả: 01 ngày.			
II	**Lĩnh vực Lao động, Tiền lương, Quan hệ lao động: 02 TTHC**						
3	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp	05 ngày	1/2 ngày	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 3,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 01/7/2019 của UBND tỉnh
4	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	05 ngày	1/2 ngày	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 3,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 01/7/2019 của UBND tỉnh

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Bộ phận Một cửa huyện, thị xã, thành phố (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND huyện, thị xã, thành phố (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa huyện, thị xã, thành phố)	
				kết quả: 01 ngày.			
III	**Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: 06 TTHC**						
5	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	02 ngày	02 giờ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 01 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 02 giờ; 2. Chuyên viên giải quyết: 1/2 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 02 giờ.	1/2 ngày	02 giờ	Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh.
6	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	05 ngày	1/2 ngày	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 04 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt		1/2 ngày	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh.

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Bộ phận Một cửa huyện, thị xã, thành phố (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND huyện, thị xã, thành phố (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa huyện, thị xã, thành phố)	
				kết quả: 01 ngày.			
7	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.	05 ngày	1/2 ngày	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 04 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.		1/2 ngày	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh.
8	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.	15 ngày	1/2 ngày	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 14 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 12,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.		1/2 ngày	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh.

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Bộ phận Một cửa huyện, thị xã, thành phố (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND huyện, thị xã, thành phố (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa huyện, thị xã, thành phố)	
9	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.	15 ngày	1/2 ngày	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 14 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 12,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.		1/2 ngày	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh.
10	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp.	15 ngày	1/2 ngày	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 14 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 12,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.		1/2 ngày	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh.
	Tổng cộng: 10 TTHC						

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (12 TTHC)

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Bộ phận Một cửa cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND các xã, phường, thị trấn (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa cấp xã)	
I	**Lĩnh vực Trẻ em: 05 TTHC**						
1	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	12 giờ	04 giờ	Công chức Văn hoá - Xã hội: 3 giờ. .	01 giờ	04 giờ	Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh
2	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	05 ngày	1/2 ngày	Công chức Văn hoá - Xã hội: 3,5 ngày.	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh
3	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc	07 ngày	1/2 ngày	Công chức Văn hoá - Xã hội: 5,5 ngày.	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Bộ phận Một cửa cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND các xã, phường, thị trấn (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa cấp xã)	
	biệt						
4	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	15 ngày	1/2 ngày	Công chức Văn hoá - Xã hội: 12 ngày.	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh
5	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	15 ngày	1/2 ngày	Công chức Văn hoá - Xã hội: 12 ngày.	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh
II	**Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: 03 TTHC**						
6	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận	25 ngày	1/2 ngày	Công chức Văn hoá - Xã hội: 22 ngày.	02 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Bộ phận Một cửa cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND các xã, phường, thị trấn (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa cấp xã)	
	khuyết tật						23/7/2019 của UBND tỉnh.
7	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	05 ngày	1/2 ngày	Công chức Văn hoá - Xã hội: 3,5 ngày.	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh.
8	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày	1/2 ngày	Công chức Văn hoá - Xã hội: 8,5 ngày.	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh.
III	**Lĩnh vực Người có công: 02 TTHC**						
9	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sỹ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	01 ngày	02 giờ	Công chức Văn hoá - Xã hội: 2 giờ. .	02 giờ	02 giờ	Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh.

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Bộ phận Một cửa cấp xã (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND các xã, phường, thị trấn (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa cấp xã)	
10	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	01 ngày	02 giờ	Công chức Văn hoá - Xã hội: 2 giờ. .	02 giờ	02 giờ	Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh.
IV	**Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội: 02 TTHC**						
11	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	03 ngày	1/2 ngày	Công chức Văn hoá - Xã hội: 1,5 ngày.	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh.
12	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	03 ngày	1/2 ngày	Công chức Văn hoá - Xã hội: 1,5 ngày.	1/2 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh.
	Tổng cộng: 12 TTHC						